

Số: /KH-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

**KẾ HOẠCH  
Hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2023 - 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 20/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2023 - 2025 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Mở rộng diện tích cấy máy là rất cần thiết nhằm giải phóng sức lao động nặng nhọc cho người dân, bảo vệ môi trường, xử lý triệt để được vấn đề lúa ma, lúa cỏ, tiết kiệm chi phí, chủ động được thời vụ, thuận lợi cho việc canh tác, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích;

- Thông qua việc hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy hình thành các tổ dịch vụ mạ khay, cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật sẽ góp phần nâng cao năng lực về tổ chức sản xuất, phát triển dịch vụ nông nghiệp cho các HTX, tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Chủ động được quy trình công nghệ trong sản xuất mạ khay và chăm sóc lúa cấy máy để đào tạo, chuyển giao cho đội ngũ cán bộ nông nghiệp và nông dân nòng cốt trên địa bàn tỉnh;

- Hình thành các vùng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ lúa chất lượng cao giữa các hộ dân, tổ hợp tác và hợp tác xã với doanh nghiệp thông qua ký kết các hợp đồng kinh tế. Thực hiện xây dựng thương hiệu sản phẩm có lợi thế của địa phương, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân;

- Thúc đẩy việc áp dụng cơ giới hóa trong khâu gieo cấy lúa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

**2. Yêu cầu**

- Việc chuyển đổi từ phương thức gieo sạ, cấy tay sang cấy máy phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội để tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân hiểu được lợi ích khi tham gia;

- Việc hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy phải đảm bảo tính bền vững trên cơ sở liên kết giữa các hộ sản xuất, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp với các tổ dịch

vụ tổ dịch vụ làm mạ khay, cấy máy, phun thuốc bảo vệ thực vật bằng máy bay và cơ giới hóa trong thu hoạch. Diện tích mở rộng mạ khay cấy máy phải gọn vùng, gọn thửa, sản xuất theo kế hoạch và hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

- Các địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ dịch vụ có mặt bằng để tổ chức sản xuất mạ khay phục vụ nhu cầu cấy máy của người dân trong tỉnh.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Kế hoạch mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2023 - 2025**

Tổng diện tích cấy máy mở rộng của toàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 là 15.070 ha. Trong đó: Năm 2023 là 8.120 ha, năm 2024 là 2.230 ha, năm 2025 là 4.720 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

### **2. Đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ**

#### **a, Đối tượng hỗ trợ**

- Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân được quy định tổ chức thực hiện chính sách hoặc có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ.

#### **b, Điều kiện được hỗ trợ**

- Trực tiếp đầu tư mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Máy móc, thiết bị đầu tư mới 100%, có xuất xứ rõ ràng, công suất đảm bảo theo quy định.

- Quy mô sản xuất đảm bảo tối thiểu 05 ha, gọn vùng, tập trung đối với cấy máy. Hỗ trợ mỗi tổ chức, cá nhân không quá 01 máy cấy, mỗi đơn vị cấp xã không quá 05 máy cấy. Hỗ trợ mỗi tổ chức, cá nhân không quá 01 hệ thống giàn gieo.

### **3. Nội dung, mức hỗ trợ**

- Hỗ trợ một lần 30% chi phí giống, phân bón, thuốc BVTV cho diện tích cấy máy.

- Hỗ trợ 30% giá trị máy cấy có công suất máy từ 4,3 mã lực trở lên (tối đa không quá 120 triệu).

- Hỗ trợ 30% giá trị hệ thống giàn gieo khay mạ tự động phục vụ cấy máy (tối đa không quá 30 triệu đồng).

### **4. Nguyên tắc hỗ trợ**

- Hỗ trợ một lần sau đầu tư, toàn bộ kinh phí hỗ trợ thông qua tài khoản kho bạc các huyện, thị xã, thành phố;

- Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân hoàn thiện thủ tục đề nghị hỗ trợ theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nghiệm thu, thẩm định hồ sơ (có biên bản thẩm định) vụ Xuân (trong tháng 3,4) và vụ Mùa (trong tháng 7,8), lập tờ trình đề nghị hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu tổng hợp số liệu 2 lần vào vụ Xuân (*trước ngày 30/4*) và vụ Mùa (*trước ngày 31/8*) lập tờ trình đề nghị hỗ trợ gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

### **5. Dự kiến kinh phí**

Tổng kinh phí thực hiện: **185.716.480.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm mười sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Trong đó:

- Kinh phí của người dân: **128.585.536.000** đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

- Kinh phí hỗ trợ của nhà nước: **57.130.944.000** đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*). Cụ thể:

+ Kinh phí hỗ trợ mở rộng diện tích cây máy: **43.690.944.000** đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2*).

+ Kinh phí hỗ trợ máy cấy: **12.000.000.000** đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 3*).

+ Kinh phí hỗ trợ giàn gieo tự động: **1.440.000.000** đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 4*).

### **6. Nguồn kinh phí**

Từ nguồn ngân sách tỉnh theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kế hoạch chi tiêu ngân sách hàng năm để trình HĐND tỉnh phê duyệt.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm; xây dựng cơ cấu mùa vụ, triển khai cho các địa phương thực hiện; hướng dẫn kỹ thuật, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện mở rộng diện tích cây máy. Tổ chức triển khai tập huấn kỹ thuật, tham quan hội thảo, cung cấp tài liệu cho nông dân, cử cán bộ theo dõi và hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị.

- Hướng dẫn quy trình thủ tục thực hiện hỗ trợ, thủ tục thanh toán và kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các hộ và các tổ hợp tác, Hợp tác xã.

- Nghiệm thu, thẩm định kết quả thực hiện mở rộng diện tích cây máy và đề nghị hỗ trợ kinh phí cho các địa phương có diện tích cây máy đảm bảo tiêu chí.

- Thường xuyên đôn đốc tiến độ, hàng năm, hàng vụ tổng hợp kết quả thực hiện của các huyện, thị xã, thành phố đề nghị hỗ trợ các diện tích cây máy; kịp thời báo cáo và tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn vốn để thực hiện kế hoạch.

## **3. Sở Tài chính**

Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định phân cấp của Luật Ngân sách.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao hiệu quả mở rộng diện tích cây máy.

- Hướng dẫn, hỗ trợ việc xây dựng và phát triển thương hiệu, Logo, nhãn mác, tem truy xuất đối với các sản phẩm lúa chất lượng cao.

## **5. Sở Công Thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm lúa chất lượng cao.

## **6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xây dựng kế hoạch phát triển diện tích cây máy tới các xã, phường, thị trấn trên địa bàn nhằm đạt và vượt mục tiêu hàng năm. Tham gia đoàn nghiệm thu kết quả thực hiện mở rộng diện tích cây máy.

- Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với các ngành của tỉnh hỗ trợ nguồn cung ứng giống, vật tư, thiết bị máy móc, tập huấn quy trình canh tác, ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản... cho các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã.

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã hướng dẫn các tổ chức, hộ dân đầu tư thiết bị máy móc, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã quy hoạch các vùng sản xuất lúa có đủ tiêu chí về diện tích. Tạo điều kiện thuận lợi để các hộ dân, tổ hợp tác, hợp tác xã... mở rộng quy mô để tham gia làm dịch vụ mạ khay, cấy máy và liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc tiến độ thực hiện của các tổ chức, cá nhân tham gia dịch vụ mạ khay, cấy máy và liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, chủ động đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## **7. Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Xây dựng kế hoạch mở rộng diện tích cấy máy, tổ chức tập huấn kỹ thuật tới các hộ tham gia áp dụng cấy máy; công khai các tiêu chí và cơ chế hỗ trợ nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện mở rộng diện tích cấy máy. Duy trì hoạt động đội ngũ khuyến nông viên cơ sở là nòng cốt tập huấn kỹ thuật tại cơ sở, tích cực tham gia triển khai và tuyên truyền mở rộng diện tích cấy máy.

- Tổ chức thực hiện mở rộng diện tích cây máy, tham gia liên kết phải phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Nghiệm thu sơ bộ, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các tổ dịch vụ mạ khay, cấy máy, các doanh nghiệp, cơ sở tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, lợi dụng chủ trương để vụ lợi;

- Tạo điều kiện thuận lợi để các hộ dân, tổ hợp tác... mở rộng quy mô tham gia làm dịch vụ mạ khay, cấy máy và liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.

- Nắm bắt kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân huyện và các ngành chức năng xem xét giải quyết.

### **8. Các doanh nghiệp, cơ sở tham gia cung ứng vật tư, máy móc thiết bị và liên kết tiêu thụ sản phẩm**

- Cung cấp các vật tư, máy móc thiết bị đảm bảo đúng, đủ số lượng, chủng loại, mẫu mã, kích thước...theo đúng quy định.

- Cung ứng các loại giống lúa chất lượng, tham gia chương trình liên kết, bộ tiêu chí chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn liên kết tiêu thụ; hướng dẫn quy trình sản xuất, tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT ....

- Thực hiện nghiêm những điều khoản theo hợp đồng đã ký kết, tạo điều kiện hỗ trợ cho các hộ dân, tổ hợp tác giống vốn, vật tư .....

### **9. Các hộ nông dân, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp tham gia**

- Có nguồn kinh phí đối ứng khi tham gia tổ dịch vụ mạ khay, cấy máy và cam kết phục vụ việc mở rộng diện tích cây máy trên địa bàn tỉnh theo thời vụ;

- Các doanh nghiệp, HTX, tổ dịch vụ thực hiện đúng việc ký kết hợp đồng làm dịch vụ sản xuất mạ khay, cấy máy và thực hiện nghiêm các điều khoản về tiêu thụ nông sản theo hợp đồng đã ký kết;

- Các hộ dân tham gia thực hiện đầy đủ các quy trình hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn và các điều khoản về dịch vụ cấy máy, tiêu thụ nông sản theo hợp đồng đã ký kết.

Trên đây là Kế hoạch mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2023 - 2025. Trong quá trình triển khai thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, Tài chính, KH&CN, Công Thương;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: LĐVP(2), NN&TNMT, KT;
- Lưu: VT, NN&TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phụ lục 1: KẾ HOẠCH MỞ RỘNG DIỆN TÍCH CÂY MÁY GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

STT	Đơn vị	Diện tích gieo cấy 2 vụ (ha)	Diện tích cây máy năm 2022 (ha)			Diện tích gieo cấy 2 vụ (ha)	Diện tích cây máy năm 2023 (ha)			Diện tích gieo cấy 2 vụ (ha)	Diện tích cây máy năm 2024 (ha)			Diện tích gieo cấy 2 vụ (ha)	Diện tích cây máy năm 2025 (ha)		
			Vụ Xuân	Vụ Mùa	Tổng		Vụ Xuân	Vụ Mùa	Tổng		Vụ Xuân	Vụ Mùa	Tổng		Vụ Xuân	Vụ Mùa	Tổng
1	Duy Tiên	<b>7.300</b>	120	250	<b>370</b>	<b>7.000</b>	300	250	<b>550</b>	<b>6.500</b>	350	300	<b>650</b>	<b>6.100</b>	500	450	<b>950</b>
2	Kim Bảng	<b>7.700</b>	406	471	<b>877</b>	<b>7.500</b>	550	470	<b>1.020</b>	<b>7.300</b>	750	550	<b>1.300</b>	<b>7.000</b>	850	750	<b>1.600</b>
3	Lý Nhân	<b>11.000</b>	200	210	<b>410</b>	<b>10.800</b>	400	300	<b>700</b>	<b>10.600</b>	500	400	<b>900</b>	<b>10.400</b>	600	400	<b>1.000</b>
4	Bình Lục	<b>15.700</b>	420	550	<b>970</b>	<b>15.500</b>	600	430	<b>1.030</b>	<b>15.000</b>	1.200	1.000	<b>2.200</b>	<b>14.500</b>	1.800	1.600	<b>3.400</b>
5	Thanh Liêm	<b>11.800</b>	407	1.535	<b>1.942</b>	<b>11.800</b>	2.000	2.500	<b>4.500</b>	<b>11.600</b>	2.300	2.500	<b>4.800</b>	<b>11.600</b>	3.500	4.000	<b>7.500</b>
6	Phủ Lý	<b>5.000</b>	81	45	<b>126</b>	<b>4.960</b>	160	160	<b>320</b>	<b>4.920</b>	250	250	<b>500</b>	<b>4.900</b>	310	310	<b>620</b>
<b>Tổng</b>		<b>58.500</b>	<b>1.634</b>	<b>3.061</b>	<b>4.695</b>	<b>57.560</b>	<b>4.010</b>	<b>4.110</b>	<b>8.120</b>	<b>55.920</b>	<b>5.350</b>	<b>5.000</b>	<b>10.350</b>	<b>54.500</b>	<b>7.560</b>	<b>7.510</b>	<b>15.070</b>

**Phụ lục 2: Kinh phí hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2023-2025****1. Năm 2023**

STT	Đơn vị	Diện tích (ha)	Đơn giá giống, phân bón, thuốc BVTV (1000đ/ha)	Thành tiền (1000đ)	Nguồn kinh phí (1000đ)	
					Nguồn ngân sách nhà nước (30%)	Vốn của dân
1	Duy Tiên	550	9.664	5.315.200	1.594.560	3.720.640
2	Kim Bảng	1.020	9.664	9.857.280	2.957.184	6.900.096
3	Lý Nhân	700	9.664	6.764.800	2.029.440	4.735.360
4	Bình Lục	1.030	9.664	9.953.920	2.986.176	6.967.744
5	Thanh Liêm	4.500	9.664	43.488.000	13.046.400	30.441.600
6	Phủ Lý	320	9.664	3.092.480	927.744	2.164.736
<b>Tổng</b>		<b>8.120</b>		<b>78.471.680</b>	<b>23.541.504</b>	<b>54.930.176</b>

**2. Năm 2024**

STT	Đơn vị	Diện tích (ha)	Đơn giá giống, phân bón, thuốc BVTV (1000đ/ha)	Thành tiền (1000đ)	Nguồn kinh phí (1000đ)	
					Nguồn ngân sách nhà nước (30%)	Vốn của dân
1	Duy Tiên	100	9.664	966.400	289.920	676.480
2	Kim Bảng	280	9.664	2.705.920	811.776	1.894.144
3	Lý Nhân	200	9.664	1.932.800	579.840	1.352.960
4	Bình Lục	1.170	9.664	11.306.880	3.392.064	7.914.816
5	Thanh Liêm	300	9.664	2.899.200	869.760	2.029.440
6	Phủ Lý	180	9.664	1.739.520	521.856	1.217.664
<b>Tổng</b>		<b>2.230</b>		<b>21.550.720</b>	<b>6.465.216</b>	<b>15.085.504</b>

**3. Năm 2025**

STT	Đơn vị	Diện tích (ha)	Đơn giá giống, phân bón, thuốc BVTV (1000đ/ha)	Thành tiền (1000đ)	Nguồn kinh phí (1000đ)	
					Nguồn ngân sách nhà nước (30%)	Vốn của dân
1	Duy Tiên	300	9.664	2.899.200	869.760	2.029.440
2	Kim Bảng	300	9.664	2.899.200	869.760	2.029.440
3	Lý Nhân	100	9.664	966.400	289.920	676.480
4	Bình Lục	1.200	9.664	11.596.800	3.479.040	8.117.760
5	Thanh Liêm	2.700	9.664	26.092.800	7.827.840	18.264.960
6	Phủ Lý	120	9.664	1.159.680	347.904	811.776
<b>Tổng</b>		<b>4.720</b>		<b>45.614.080</b>	<b>13.684.224</b>	<b>31.929.856</b>

**Hạch toán một số chi phí cho sản xuất lúa chất lượng/ha**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá (1000đ)</b>	<b>Thành tiền (1000đ)</b>
1	Giống lúa chất lượng	kg	35	35	1.225
2	Phân đạm	kg	195	17	3.315
3	Lân supe	kg	420	5	2.100
4	Kali Clorua	kg	115	17,6	2.024
5	Thuốc BVTV		1	1.000	1.000
<b>Tổng cộng</b>					<b>9.664</b>

**Ghi chú:**

- Định mức kỹ thuật được ban hành tại Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương.

- Đơn giá theo Báo cáo số 1460/BC-STC ngày 04/7/2022 của Sở Tài chính Hà Nam về tình hình giá cả thị trường, công tác trọng tâm tháng 6 năm 2022 và kế hoạch triển khai công tác tháng 7 năm 2022 và một số vật tư theo giá cả thị trường tại thời điểm tháng 7/2022.



**Phụ lục 3: KINH PHÍ HỖ TRỢ MÁY CẮY GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

Năm	Máy cấy			Ghi chú
	Số lượng (chiếc)	Kinh phí hỗ trợ (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	
2023	43	120.000	5.160.000	Công suất 19HP, 01 máy cấy ngồi Kubota là 3ha/ngày *40 ngày/năm
2024	18	120.000	2.160.000	
2025	39	120.000	4.680.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>		<b>12.000.000</b>	

**Phụ lục 4: KINH PHÍ HỖ TRỢ GIÀN GIEO MẠ KHAY GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

Năm	Giàn gieo mạ khay			Ghi chú
	Số lượng (chiếc)	Kinh phí hỗ trợ (1000đ)	Thành tiền (1000đ)	
2023	20	30.000	600.000	Công suất 01 giàn gieo mạ khay là 250ha/năm
2024	9	30.000	270.000	
2025	19	30.000	570.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>48</b>		<b>1.440.000</b>	

**Phụ lục 5: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2023-2025**

STT	Nội dung	Năm 2023 (1000đ)	Năm 2024 (1000đ)	Năm 2025 (1000đ)	Tổng cộng (1000đ)
1	Diện tích cấy máy	23.541.504	6.465.216	13.684.224	<b>43.690.944</b>
2	Máy cấy	5.160.000	2.160.000	4.680.000	<b>12.000.000</b>
3	Giàn gieo tự động	600.000	270.000	570.000	<b>1.440.000</b>
<b>Tổng cộng (1000đ)</b>		<b>29.301.504</b>	<b>8.895.216</b>	<b>18.934.224</b>	<b>57.130.944</b>

Bảng chữ: Năm mươi bảy tỷ một trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng./.